TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 222/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2019
V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên.

2. Bà Lê Thị Cẩm Tú;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 788/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/7/2019 về việc "*ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2019/QĐXX-ST ngày 05/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2019/QĐ-HPT ngày 19/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Yến N, sinh năm 1997, có mặt.

Địa chỉ thường trú: Ấp M, xã T, huyện TÔ, tỉnh VL.

Tạm trú: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh LA.

2. Bị đơn: Ông Trần Trung H, sinh năm 1991, có mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà Lê Thị Yến N và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà N trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Trần Trung H là vợ chồng, sống với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018, vợ chồng xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không quan tâm nhau là do ông H Nều lần ghen tuông vô cớ bà và ông H đã ly thân trên 04 tháng. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông Trần Trung H.

Về con chung: Bà N xác định bà và ông H chung sống nhau có 01 con chung tên: Trần Lê Trung HA, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2017. Hiện nay sống với bà N, khi ly hôn bà N yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N trình bày trong thời gian chung sống, bà và ông H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác định bà và ông H không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Trần Trung H trình bày ông xác nhận về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn cũng như tài sản chung và nợ chung đúng như lời trình bày của bà N. Ông và bà N đã ly thân trên 04 tháng, thời gian ly thân không hàn gắn.

Nay, bà N xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Lê Trung HA, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2017. Hiện nay ông đang nuôi con chung. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng. Bởi lẽ, ông cho rằng hiện nay ông đang sống tại gia đình ông, có chổ ở và việc làm ổn định ông làm Công ty tại nhà thu nhập trên 12 triệu đồng/1tháng nên có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung ông H thống nhất như lời trình bày của bà N tài sản chung không có, nợ chung không có.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở trình bày của các đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền.

Bà N yêu cầu xin ly hôn với ông H và vụ án có tranh chấp về quyền nuôi con chung. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là "*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con chung*". Bị đơn có hộ khẩu tại huyện Đ, tỉnh LA. Đây là những tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về tư cách tố tụng và thời hiệu.

Bà Lê Thị Yến N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Trung H được xác định là nguyên đơn, ông H là bị đơn, việc yêu cầu ly hôn có tranh chấp đến quyền nuôi con chung.

Việc yêu cầu bảo vệ quyền nhân thân không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Chứng cứ và pháp luật áp dụng.

Đương sự có quyền yêu cầu và có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình. Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do các đương sự cung cấp và các chứng cứ khác do Tòa án thu thập khi xét thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Các đương sự trình bày nhưng không đưa ra được chứng cứ xem như không có chứng cứ đó. Tòa án không có nghĩa vụ chứng minh thay cho các đương sự.

Thời điểm phát sinh tranh chấp được điều chỉnh Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ngoài ra các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan được áp dụng để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu xin ly hôn với ông H. Bà N cho rằng bà và ông H chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn theo số 102, quyển số 01/2016 ngày 09/9/2016 nên hôn nhân của bà N và ông H được pháp luật thừa nhận là hợp pháp tại thời điểm đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà N cho rằng cuộc sống chung giữa bà và ông H luôn mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên nay bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Trần Trung H.

Đối với ông Trần Trung H ông thừa nhận giữa ông và bà N qúa Nều mâu thuẫn và đã ly thân nhau, nay bà N yêu cầu xin được ly hôn với ông, ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà N.

Xét thấy giữa bà N và ông H đã tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn việc tự nguyện thuận tình ly hôn của bà N và ông H không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào Điều 55 luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Yến N với ông Trần Trung H cũng như về tài sản chung và nợ chung bà N và ông H thống nhất xác định là không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cặp xem xét đến tài sản chung và nợ chung của bà N và ông H.

[5] Về con chung: Bà N và ông H thống nhất xác định có 01 con chung tên Trần Lê Trung HA, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2017. Bà N và ông H tranh chấp về quyền nuôi con chung sau khi ly hôn.

[6]. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Trần Lê Trung HA, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2017 là con của bà N và ông H, nay bà N và ông H thuận tình ly hôn chỉ tranh chấp việc nuôi con chung, hiện nay cháu HA dưới 36 tháng tuổi, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nên giao cháu HA cho bà N nuôi dưỡng hiện tại bà N có việc làm nhưng chưa có chổ ở ổn định, bà N đang ở thuê nhà trọ vừa đi làm vừa phải chăm sóc cháu HA.

Đối với ông H hiện nay có công việc làm và chổ ở ổn định, mặc khác ông H là con trai duy nhất trong gia đình hiện đang ở chung với cha mẹ nếu để cho ông H nuôi cháu HA thì có sự hổ trợ của cha mẹ ruột của ông H trong việc chăm sóc cháu HA. Xét về điều kiện nuôi con, ông H có điều kiện nuôi con tốt hơn bà N. Mặt khác, hiện nay ông H đang nuôi dưỡng và chăm sóc cháu HA, cháu HA vẫn phát triển khỏe mạnh bình thường, không nên làm xáo trộn cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu HA. Ông H trực tiếp nuôi cháu HA, bà N được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu HA, khi bà N đến thăm con chung ông H phải tạo điều kiện cho bà N được đến thăm nom và chăm sóc cháu HA, cả hai ông H và bà N điều có trách Nệm nuôi dưỡng và chăm sóc cháu HA.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Lê Thị Yến N và ông Trần Trung H cả hai phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Yến N đối với ông Trần Trung H.

Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự sau:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Yến N và ông Trần Trung H thuận tình ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Yến N và ông Trần Trung H, thống nhất xác định tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét đến.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Trung H được trực tiếp nuôi cháu Trần Lê Trung HA, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2017. Bà Lê Thị Yến N không cấp dưỡng nuôi con vì ông Trần Trung H không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2 Về án phí: Ông Trần Trung H phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn. Bà Lê Thị Yến N phải chịu 150.000 án phí ly hôn tất cả sung ngân sách Nhà nước. Đối với bà Lê Thị Yến N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003224 ngày 24/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Hoàn lại cho bà Lê Thị Yến N 150.000 đồng.

Án sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã Mỹ Hạnh Bắc
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.